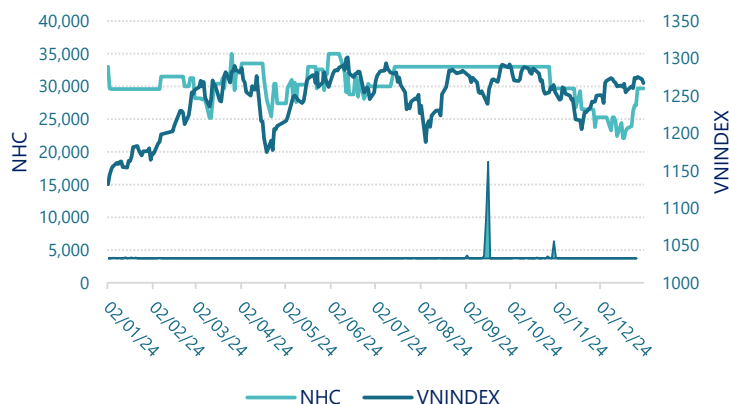


CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp (HNX: NHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	29,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,100
SL cổ phiếu LH	3,041,542
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,240
% sở hữu nước ngoài	15.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	90
P/E	1834.4
EPS	16

DT thuần

Q4/24

22.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.50 | 75.9%

YoY: ▲ 17.3 | 366%

LN sau thuế

Q4/24

-0.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.54 | -179%

YoY: ▼ 0.28 | -69.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.5%

+/- YoY: ▲ 5.0%

DT thuần

2024

49.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 36.0 | 264%

LN sau thuế

2024

0.02

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.06 | 102%

ROE

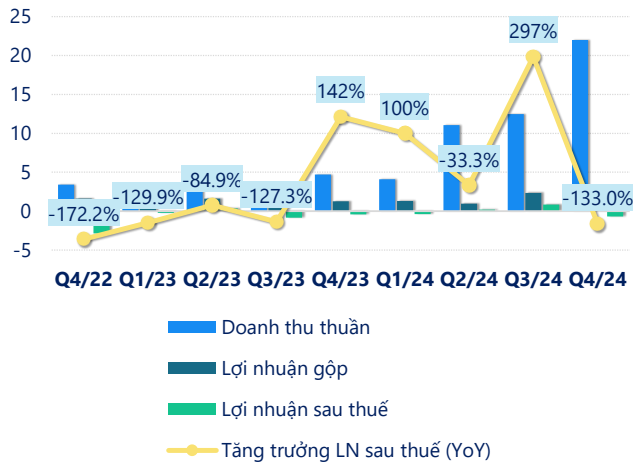
2024

0.1%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

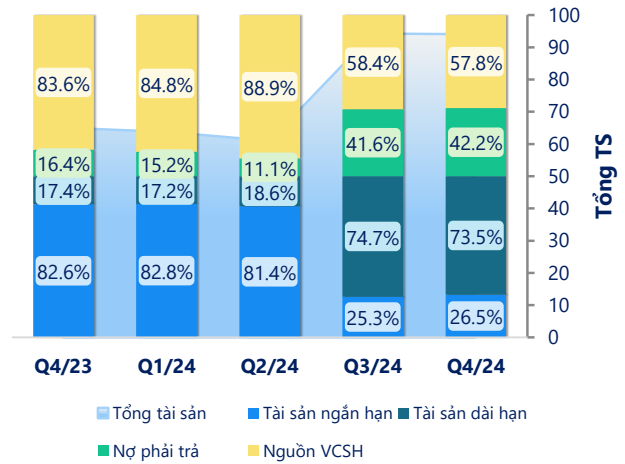
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

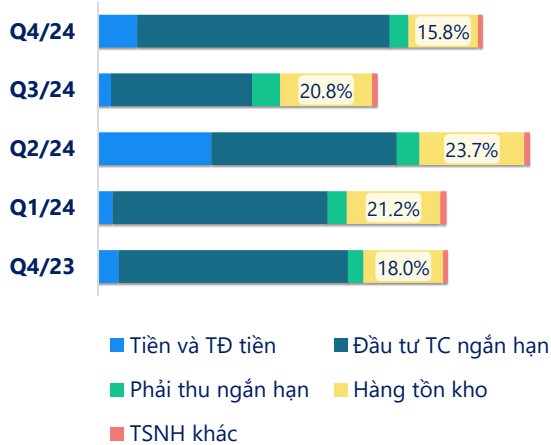
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



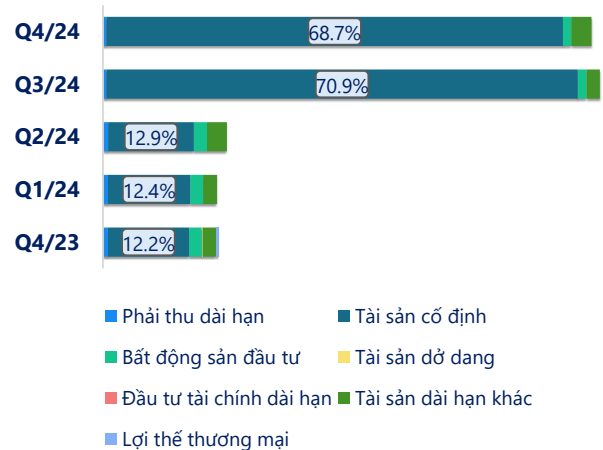
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

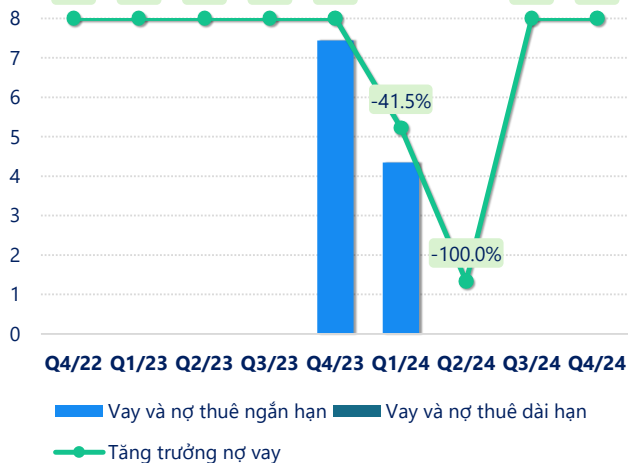
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

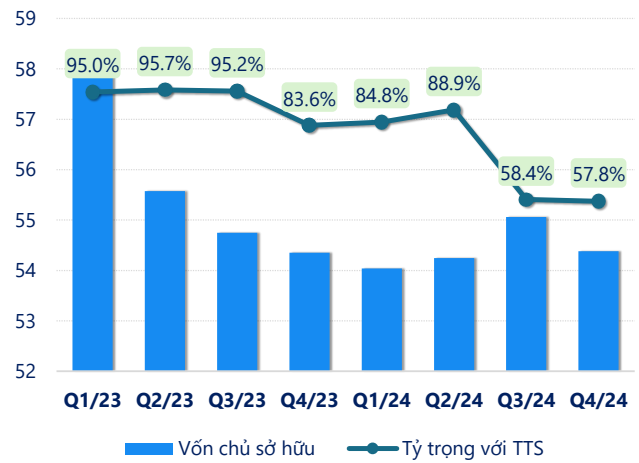
Nợ vay



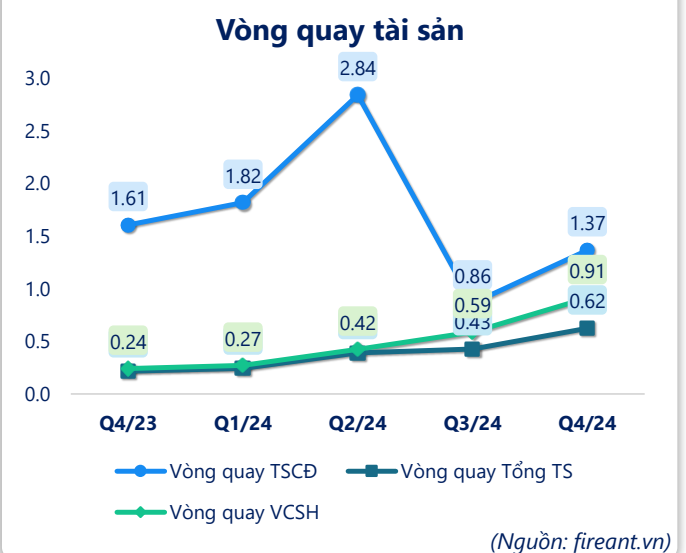
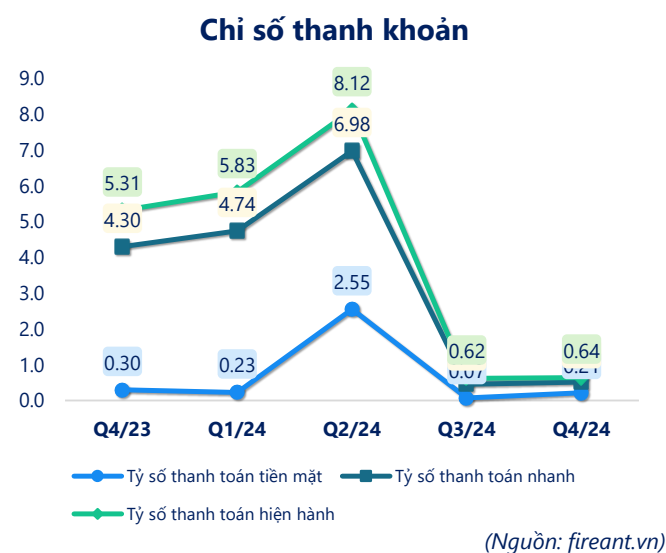
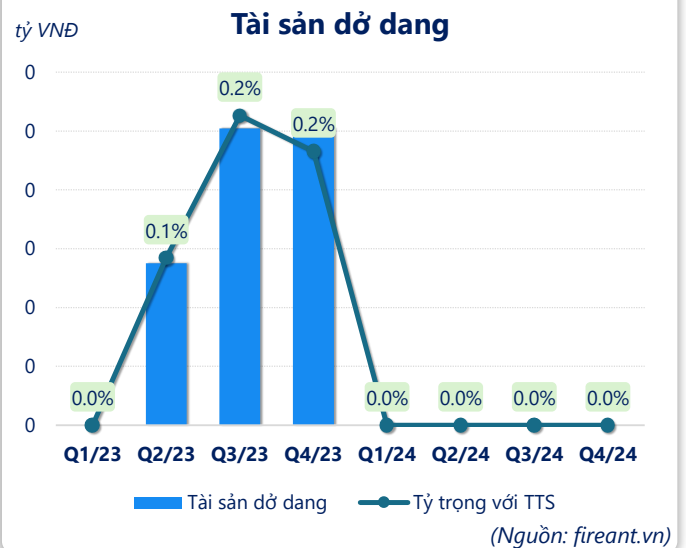
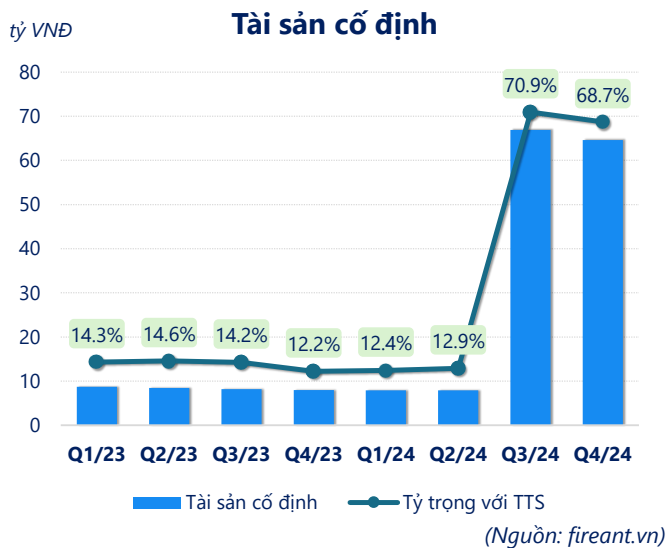
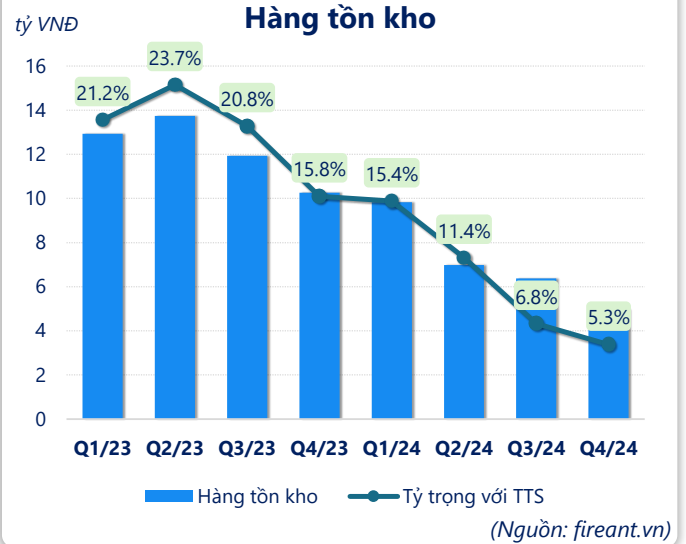
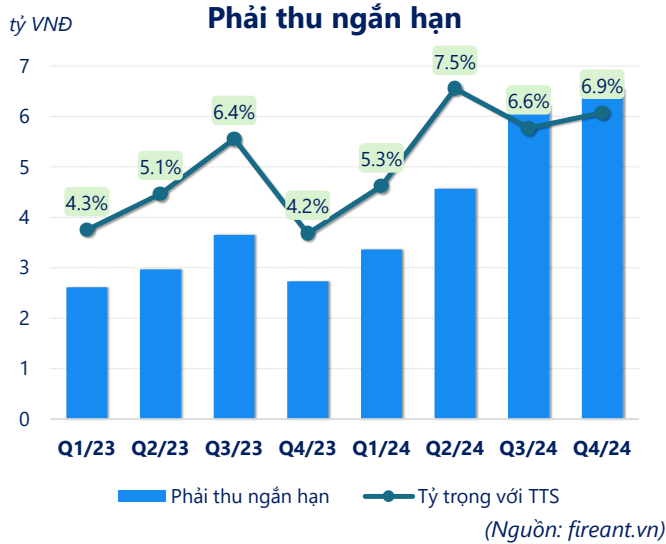
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	65.0	63.7	61.0	94.3	94.1
Tài sản ngắn hạn	53.7	52.8	49.6	23.8	24.9
Tiền và tương đương tiền	3.03	2.06	15.6	2.74	8.31
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.0	37.0	22.3	3.70	0.00
Phải thu ngắn hạn	2.73	3.36	4.57	6.21	6.53
Hàng tồn kho	10.3	9.83	6.98	6.37	4.97
Tài sản ngắn hạn khác	0.67	0.50	0.19	4.78	5.10
Tài sản dài hạn	11.3	10.9	11.4	70.5	69.2
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.47	0.47	0.47
Tài sản cố định	7.94	7.91	7.88	66.9	64.6
Bất động sản đầu tư	1.22	1.21	1.20	1.19	1.18
Tài sản dở dang	0.10	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.35	1.35	1.82	1.91	2.87
Lợi thế thương mại	0.20	0	0	0	0
Nợ phải trả	10.7	9.68	6.77	39.2	39.7
Nợ ngắn hạn	10.1	9.06	6.11	38.5	38.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.44	4.35	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.45	3.51	5.25	37.1	37.3
Nợ dài hạn	0.55	0.63	0.65	0.67	1.01
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	54.4	54.0	54.2	55.1	54.4
Vốn chủ sở hữu	54.4	54.0	54.2	55.1	54.4
Vốn điều lệ	30.4	30.4	30.4	30.4	30.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)